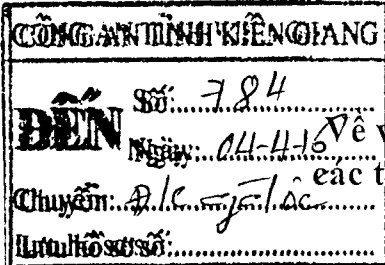


ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /2016/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 29 tháng 3 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức trần thù lao công chứng áp dụng đối với các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang tại Tờ trình số 317/TTr-STP ngày 16 tháng 02 năm 2016 về việc ban hành quyết định quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này Quy định mức trần thù lao công chứng áp dụng đối với các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Các cá nhân, tổ chức có yêu cầu công chứng và dịch thuật phải trả thù lao công chứng và thù lao dịch thuật khi yêu cầu các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện dịch vụ.

3. Các đối tượng theo quy định hiện hành của UBND tỉnh Kiên Giang, Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân không áp dụng quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Các loại thù lao công chứng

1. Soạn thảo, đánh máy các hợp đồng, giao dịch.
2. Sao chụp giấy tờ, văn bản.

3. Dịch giấy tờ, văn bản.

4. Các việc khác liên quan đến việc công chứng.

Điều 3. Mức trần thù lao các loại công chứng

1. Soạn thảo, đánh máy, in ấn các hợp đồng, giao dịch.

a) Đối với loại hợp đồng, giao dịch có mẫu theo quy định hiện hành (chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn quyền sử dụng đất; hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất; chuyển đổi quyền sử dụng đất; mua bán, tặng cho tài sản khác, góp vốn bằng tài sản khác; thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo lãnh tài sản; thuê quyền sử dụng đất, ...): Mức thu tối đa 120.000 đồng/hợp đồng, văn bản.

b) Đối với loại hợp đồng, giao dịch không có mẫu (di chúc; văn bản thỏa thuận phân chia di sản; văn bản khai nhận di sản; văn bản thỏa thuận về tài sản của vợ chồng; vay tiền; thuê nhà ở; thuê, thuê lại tài sản và hợp đồng, giao dịch khác): Mức thu tối đa 150.000 đồng/hợp đồng, văn bản.

c) Đối với các hợp đồng, giao dịch về văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà tổ chức hành nghề công chứng trực tiếp thực hiện việc niêm yết, nhận kết quả niêm yết thì ngoài mức thù lao phải nộp tại Điểm b, Khoản 1, Điều này thì người yêu cầu công chứng phải nộp thêm thù lao cho các tổ chức hành nghề công chứng với mức thu như sau:

c.1) Không quá 200.000 đồng/trường hợp và trong phạm vi niêm yết dưới hoặc bằng 10 km;

c.2) Phạm vi niêm yết trên 10 km, thì cứ từ 01 km đến 10 km tăng thêm 100.000 đồng. Tối đa không quá 1.000.000 đồng/trường hợp;

(Mức thù lao được quy định tại các Điểm a, b, c, Khoản 1, Điều này chưa bao gồm chi phí ăn, ở và phương tiện đi lại).

Trường hợp người yêu cầu công chứng yêu cầu in ấn thêm thì mức thu áp dụng theo mức thu sao chụp giấy tờ, văn bản quy định ở Khoản 2, Điều này.

2. Sao chụp giấy tờ, văn bản (photocopy)

Mức thu tối đa 500 đồng/trang giấy A4 và tối đa 1.000 đồng/trang giấy A3.

3. Dịch các giấy tờ, văn bản

Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài và từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt trên trang giấy A4 (350 từ), mức thu cụ thể như sau:

a) Chứng minh nhân dân (Thẻ căn cước công dân); Giấy phép lái xe; Hộ chiếu; Bằng tốt nghiệp; Sổ (thẻ) tiết kiệm ngân hàng, mức thu tối đa 70.000 đồng/trang.

b) Sổ hộ khẩu, mức thu tối đa 80.000 đồng/trang.

c) Giấy khai sinh; Giấy khai tử; Giấy chứng nhận kết hôn; Lý lịch tư pháp; Sơ yếu lý lịch; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Tuyên thệ độc thân, học bạ, mức thu tối đa 90.000 đồng/trang.

d) Các loại giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu bất động sản, mức thu tối đa 100.000 đồng/trang.

đ) Các loại văn bản chuyên ngành, mức thu tối đa 150.000 đồng/trang.

e) Các loại văn bản khác, mức thu tối đa 90.000 đồng/trang.

Trường hợp dịch hơn ½ trang (từ 175 từ trở lên) nhưng chưa đủ 01 trang, mức thu được tính bằng 01 trang.

Trường hợp dịch chưa tới ½ trang (dưới 175 từ), mức thu được tính bằng ½ mức thu được quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e, Khoản 1, Điều này.

4. Thù lao các việc khác: Ngoài những trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3, Điều 3 của Quyết định này, nếu có phát sinh loại thù lao khác thì tổ chức hành nghề công chứng đề nghị Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định này.

Điều 4. Quản lý, sử dụng thù lao công chứng

1. Tổ chức hành nghề công chứng được quản lý, sử dụng tiền thù lao công chứng theo quy định hiện hành của nhà nước.

2. Khi thu thù lao công chứng, tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm lập chứng từ và cấp biên lai thu cho người yêu cầu công chứng theo quy định của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế theo quy định về pháp luật thuế.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thù lao công chứng theo quy định tại Quyết định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức hành nghề công chứng

1. Sau 05 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, căn cứ vào mức trần các loại thù lao công chứng quy định tại Điều 3 Quyết định này, tổ chức hành nghề công chứng phải xác định mức thù lao cụ thể đối với từng loại việc nhưng không được vượt quá mức trần thù lao đã quy định tại Quyết định này, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp biết.

2. Việc xác định mức thù lao cụ thể phải được thể hiện bằng văn bản và niêm yết, công khai tại trụ sở tổ chức hành nghề công chứng tại vị trí thuận lợi nhất cho người yêu cầu công chứng được biết.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - BTP tại TP. HCM;
- Cục Kiểm tra VB QPPL – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- TV UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc VN tỉnh;
- Như Điều 7 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, P KTTH;
- Lưu: VT, nknguyen (02b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐẠI HỌ CHỦ TỊCH



Đinh Anh Nhân

**CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG
PHÒNG THAM MƯU**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 202/SY-PV11

Kiên Giang, ngày 05 tháng 04 năm 2016

Nơi nhận:

- Các đ/c trong BGĐ CAT;
- CA các đơn vị, địa phương;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Thượng Tá Nguyễn Văn Nam